TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 01 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Khánh Quốc

Bà Nguyễn Thị Nhung

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:* Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Kiều Văn N, sinh năm 1993. HKTT: tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: chị Hà Thu H, sinh năm 2001. Địa chỉ: tổ T, đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: chị Bàn Mai C, sinh năm 1991. HKTT: xóm L, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Nơi ở hiện tại: số B, khu A đường W, quận G, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Đinh Thị Kim O, sinh năm 1971. Địa chỉ: tiểu khu B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình.

(Anh N, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Kiều Văn N trình bày:

Năm 2012, anh Kiều Văn N và chị Bàn Mai C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, chị C và anh N về chung sống với bố mẹ anh N tại tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Thời gian đầu chung sống, hạnh phúc, hòa thuận. Đến năm 2014, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuân nguyên nhân là do vợ chồng đi làm ăn xa, mỗi người một nơi, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Thời gian sau, chị C bỏ về nhà ngoại ở xã C, huyện Đ và đến năm 2017 chị C sang Đài Loan làm việc theo diện xuất khẩu. Từ đó vợ chồng ít liên lạc, ly thân được gần 8 năm nay. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Kiều Bảo T, sinh ngày 25/9/2012, sau khi ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con vì chị C hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng con được, anh N chưa yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.; Về công nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N ủy quyền cho chị H đại diện nộp hồ sơ ly hôn, chi phí tố tụng, ký nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho (bao gồm cả bản án) và bàn giao lại cho anh N.

Bị đơn chị Bàn Mai C trình bày tại bản tự khai ngày 15/5/2024: chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ vào ngày 04/6/2012. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh N làm dâu. Thời gian đầu, sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuân nguyên nhân do chị phải đi làm ăn xa, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Đến năm 2017, chị sang Đài Loan theo diện xuất khẩu lao động. Từ đó, vợ chồng ít liên lạc, đến nay đã sống ly thân được 08 năm. Nay anh N xin ly hôn, chị nhất trí. Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Kiều Bảo T, sinh ngày 25/9/2012, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu chị được giao nuôi con chung thì chị không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không đề nghị giải quyết. Chị C đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Chị C ủy q cho bà Đinh Thị Kim O thực hiện giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời bà O có ý kiến: bà là cô họ của chị C, qua trao đổi điện thoại, chị C có nói với bà rằng chị nhất trí ly hôn anh N, con chung đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kính đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho chị C.

Tại Công văn số 404/ PA08 ngày 08/5/2024 của Phòng Q - Công an tỉnh H đã cung cấp thông tin: Công dân Bàn Mai C đã được Cục Q1 - Bộ C1 cấp hộ chiếu số C2879671 ngày 14/3/2017. Lần gần nhất xuất cảnh là ngày 06/5/2018.

Nguyên đơn anh Kiều Văn N, chị Bàn Mai C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Kiều Văn N và chị Bàn Mai C đều có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung tại bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Kiều Văn N và chị Bàn Mai C được thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao cháu Kiều Bảo T, sinh ngày 25/9/2012 cho anh N chăm sóc, giáo dục. Công nhận sự tự nguyện của anh N về việc chưa yêu cầu chị C đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét. Về án phí: anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Anh Kiều Văn N có đơn xin ly hôn chị Bàn Mai C và đề nghị được nuôi con chung. Chị C có hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, hiện chị C đang ở Đài Loan (Trung Quốc). Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con để thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, anh N và chị C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân*:* Ngày 04/6/2012, anh N và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc sau có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng làm ăn xa, mỗi người một nơi, thiếu sự tin tưởng. Năm 2014, chị C bỏ về nhà ngoại và đến năm 2017 chị C sang Đài Loan (Trung Quốc) theo diện xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân từ đó, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh N và chị C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Anh N xin ly hôn, chị C nhất trí. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Kiều Văn N và chị Bàn Mai C.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Kiều Bảo T, sinh ngày 25/9/2012, cháu T có ý kiến được ở với bố, anh N có nguyện vọng được nuôi con chung, chị C đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của luật để giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy: anh N có nguyện vọng được nuôi con chung, hiện nay chị C không có mặt ở Việt Nam. Để việc nuôi dưỡng con được đảm bảo trực tiếp, sát sao, lợi ích tốt nhất cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cần giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh N chưa yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N, chị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: anh Kiều Văn N tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Văn N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Kiều Văn N và chị Bàn Mai C.

1.2. Về con chung: Giao cháu Kiều Bảo T, sinh ngày 25/9/2012 cho anh Kiều Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Kiều Văn N chưa yêu cầu chị Bàn Mai C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bàn Mai C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Kiều Văn N tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004030 ngày 03/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Hoàn trả lại cho anh N 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo: anh Kiều Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Chị Bàn Mai C được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình
- UBND xã C, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu TH, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu